

Bản tin chứng khoán

Trong số này

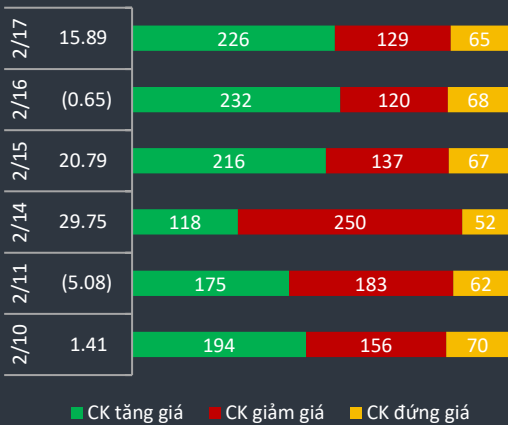
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

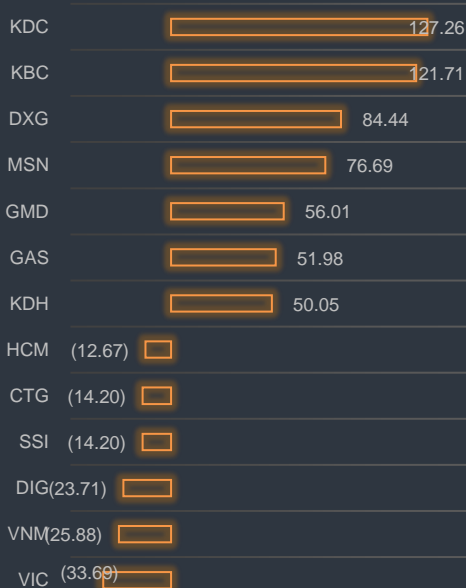
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Phiên đảo hạn phái sinh hôm nay diễn ra bùng nổ vào phiên chiều với điểm sáng của nhóm ngành ngân hàng và dầu khí. Hơn 2/3 số cổ phiếu ngân hàng tăng điểm cuối phiên trong đó nhóm bank lớn VIB, BID, TPB, VPB tăng gần 2%. Không chỉ nhóm ngân hàng mà nhiều nhóm ngành khác đều vận động khá tốt như thép, bán lẻ, dệt may...

VN30 cũng chỉ duy nhất mỗi BVH đỡ nhẹ. GAS và MSN tăng gần 5% trong khi POW, KDH, PDR đều tăng trên 2%. Đứng ngay sau nhóm này là cổ phiếu ngân hàng và nhóm hàng không, bán lẻ. Điểm trừ duy nhất chính là nhóm cổ phiếu Vingroup. VIC chỉ chớm xanh hơn tham chiếu một chút, VHM và VRE cũng tăng dưới 1%. Cổ phiếu VIC hiện đã phá vỡ ngưỡng hỗ trợ và rơi khá sâu từ vùng giá 100 về gần 83.

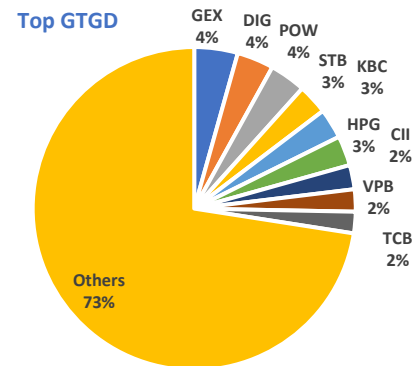
Hôm nay có một số doanh nghiệp công bố hoạt động kinh doanh sớm như TNG vừa công bố báo cáo tài chính tháng 1/2022 cho thấy lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ. Doanh thu thuần tháng 1 của TNG đạt 514,87 tỷ đồng, tăng 62% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận duy trì tương tự cùng kỳ năm ngoái, chi phí bán hàng giảm nhẹ so với cùng kỳ. Nhờ doanh thu tăng trưởng cao, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 25,73 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 21,36 tỷ đồng, tăng 72% so với tháng 1 năm ngoái. So với nhiều doanh nghiệp trong ngành dệt may, TNG là doanh nghiệp hiếm hoi vượt đợt dịch vừa qua với chỉ tiêu kinh doanh vẫn duy trì khả quan. Vì vậy kết quả kinh doanh năm nay dự báo sẽ còn tiếp tục tăng trưởng mạnh.

PNJ: Vào 8/3 tới đây, CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ – sàn HOSE) sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1/2021. Cổ tức được trả bằng tiền mặt với tỷ lệ 6%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 600 đồng. Và với hơn 227 triệu cổ phiếu đang lưu hành, PNJ sẽ phải chi khoảng 136,2 tỷ đồng để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Thời gian thanh toán cổ tức dự kiến từ ngày 7/4/2022.

Giá PNJ đã gần trở lại mức đỉnh lịch sử và phục hồi mạnh từ vùng giá hồi đầu năm là 94 lên gần 110.

Vnindex 1,507.9

▲ +15.89 (+1.06%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
GAS	118.7	4,200	3.67
BCM	84.5	2,700	3.30
MSN	163.0	4,900	3.10
VIB	46.8	1,200	2.63
POW	18.6	400	2.20
PDR	92.0	1,800	2.00
BID	46.0	850	1.88
TPB	41.2	750	1.86
VPB	36.3	650	1.82
VJC	141.6	2,400	1.72
HVN	26.8	450	1.71
HDB	29.8	500	1.71
PLX	60.0	1,000	1.69
MBB	33.2	550	1.68
FPT	92.8	1,500	1.64
PNJ	107.9	1,600	1.51
SAB	170.5	2,100	1.25
MWG	134.5	1,600	1.20
TCB	52.2	600	1.16
NVL	79.0	900	1.15
HPG	46.5	500	1.09
VHM	80.8	800	1.00
STB	33.9	300	0.89
GVR	34.0	250	0.74
CTG	34.9	250	0.72
VCB	87.5	500	0.57
VNM	80.8	400	0.50
VRE	34.5	150	0.44
ACB	34.3	100	0.29
VIC	83.1	200	0.24
SSI	45.0	100	0.22
DHG	101.9	100	0.10
BVH	56.9	(500)	(0.87)
REE	71.5	(800)	(1.11)

Giao dịch hôm nay không tăng quá mạnh và riêng sàn HOSE vẫn dưới 20 ngàn tỷ nhưng dòng tiền mua vào đã áp đảo hẳn bên bán. Chỉ số Vnindex lại một lần nữa vượt lên trên ngưỡng 1500 khá dễ dàng mà không gặp quá nhiều chướng ngại. Phiên cuối tuần ngày mai dù áp lực chốt lời sẽ tăng mạnh nhưng thị trường vẫn có nhiều cơ hội vượt qua ngưỡng kháng cự 1510 trước mặt. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu đặc biệt là các nhóm ngành tăng trưởng: **VCI, FTS, LDG, REE, GVR, TNG, DPM, DCM, SZC, HPG, HSG, OCB, CTG, MBB, TCB.**

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
KBC	58.5	2.3	50	70	Mua mới quanh 54-56. Mục tiêu 70	2/10/2022	4.5%
HPG	46.5	(2.7)	40	60	Mua mới quanh 45	2/8/2022	3.3%
FTS	52.9	(2.7)	50	60	Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70	2/7/2022	1.7%
TNG	31.8	3.6	24	40	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 36	2/7/2022	9.7%
DPM	48.0	10.5	35	55	Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 50	2/7/2022	14.3%
VCI	59.1	(2.0)	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	1.9%
GVR	34.0	2.0	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	6.3%
REE	71.5	3.7	60	80	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	10.0%
NLG	54.8	1.5	24	35	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	3.4%
OCB	27.3	(4.4)	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	1.5%
TCB	52.2	(3.7)	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	4.4%
CTG	34.9	(4.7)	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	-0.3%
STK	53.0	2.1	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	0.0%
VIB	46.8	(4.8)	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	-0.4%
MBB	33.2	(2.0)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	14.5%
DBC	76.5	8.9	70	90	Bán	1/6/2022	3.4%
MWG	134.5	(3.0)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	-0.4%

Tổng hợp kết quả kinh doanh 2021

	Số DN	Doanh thu 2020	Doanh thu 2021	%	Lợi nhuận 2020	Lợi nhuận 2021	%
Ngân hàng	26	278,567	347,222	24.6%	108,714	144,922	33.3%
Bất động sản	68	271,992	316,605	16.4%	49,219	54,326	10.4%
Sản xuất và KD Thép	26	239,810	365,704	52.5%	16,216	44,292	173.1%
Thực phẩm và đồ uống	70	306,480	332,060	8.3%	27,858	36,835	32.2%
Dầu khí	21	356,183	466,904	31.1%	7,258	20,104	177.0%
Dịch vụ tài chính	40	27,705	49,251	77.8%	6,935	18,146	161.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	87,120	96,633	10.9%	10,541	12,421	17.8%
Điện	40	122,826	110,322	-10.2%	12,113	11,965	-1.2%
Vận tải - Logistics	71	96,353	114,276	18.6%	6,115	10,663	74.4%
Bất động sản KCN	20	49,158	57,393	16.8%	9,717	9,982	2.7%
Xây dựng	107	163,622	172,977	5.7%	8,181	7,834	-4.2%
Bán lẻ	23	181,192	218,181	20.4%	4,598	7,610	65.5%
Phân bón	13	35,954	54,378	51.2%	30	5,755	19163.2%
Vật liệu xây dựng	41	54,972	61,527	11.9%	4,879	5,447	11.6%
Công nghệ Thông tin	19	40,575	46,168	13.8%	3,829	4,770	24.6%
Bảo hiểm	12	28,113	65,753	133.9%	3,746	4,724	26.1%
Hóa chất	24	48,335	69,236	43.2%	2,555	4,538	77.6%
Thủy sản	23	61,258	59,704	-2.5%	2,718	3,212	18.2%
Nước	46	21,813	22,068	1.2%	2,657	3,182	19.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	46,960	49,526	5.5%	2,817	3,006	6.7%
Dệt May	21	54,633	59,726	9.3%	1,886	2,980	58.0%
Y tế	34	52,586	46,379	-11.8%	2,675	2,786	4.1%
Khoáng sản	27	61,097	70,140	14.8%	1,116	2,106	88.7%
Tài nguyên Cơ bản	20	22,600	27,423	21.3%	264	1,432	441.5%
Cao su	11	4,515	5,661	25.4%	700	1,250	78.6%
Xây dựng và Vật liệu	54	31,919	29,112	-8.8%	144	1,168	711.6%
Ô tô và phụ tùng	11	41,225	39,233	-4.8%	1,011	1,026	1.6%
Truyền thông	27	7,744	7,983	3.1%	655	915	39.7%
Bao bì	17	20,917	28,091	34.3%	664	546	-17.8%
Viễn thông	5	34,144	33,946	-0.6%	1,937	436	-77.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	6	16,234	16,867	3.9%	(29)	230	-906.1%
Du lịch và Giải trí	28	17,337	14,552	-16.1%	22	(526)	-2494.6%
Tổng Cộng	1047	2,883,939	3,455,002	19.8%	301,739	428,084	41.9%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Viễn thông	3.57
Du lịch và Giải trí	2.85
Bao bì	1.76
Truyền thông	1.61
Công nghệ Thông tin	1.27
Bán lẻ	1.23
Hàng & Dịch vụ...	1.14
Vận tải - Logistics	1.03
Dệt May	0.99
Sản xuất và KD Thép	0.98
Bất động sản	0.89
Ô tô và phụ tùng	0.87
Tài nguyên Cơ bản	0.86
Bất động sản KCN	0.83
Ngân hàng	0.69
Thủy sản	0.68
Hóa chất	0.58
Hàng cá nhân & Gia...	0.45
Y tế	0.45
Cao su	0.41
Xây dựng	0.38
Thực phẩm và đồ...	0.34
Vật liệu xây dựng	0.30
Bảo hiểm	0.10
Dịch vụ tài chính	0.06
Điện	0.04
Khoáng sản (0.12)	
Dầu khí(0.39)	
Nước(0.48)	
Phân bón(0.72)	

PVT – CTCP PVTrans – Lên kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với doanh thu 6.500 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 600 tỷ đồng, lần lượt giảm 12% và 43% so với thực hiện năm 2021.

Doanh thu hợp nhất tháng 1 ước đạt 600 tỷ đồng, đạt 9% kế hoạch năm và lợi nhuận trước thuế ước đạt 50 tỷ đồng, đạt 8% kế hoạch năm.

APS – CTCP Chứng khoán châu Á – Thái Bình Dương – Lên kế hoạch kinh doanh năm 2022 với tổng doanh thu 800 tỷ và lợi nhuận sau thuế 500 tỷ đồng, lần lượt tăng 7% và giảm 11% so với thực hiện năm trước. Công ty kỳ vọng đạt 150.000 tài khoản mở mới, gấp 50 lần năm ngoái; thị phần môi giới tăng từ 0,24% lên 2%.

NGC - CTCP Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền - Công ty sẽ đăng ký chào bán 10,3 triệu cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 447,85%. Giá chào bán dự kiến là 10.000 đồng/CP.

VIX - CTCP Chứng khoán VIX - Công ty dự kiến phát hành thêm gần 274,6 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được hưởng 1 quyền, cứ 1 quyền được mua 1 cổ phiếu mới. Giá phát hành là 15.000 đồng/CP.

PSE – CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ - Công bố chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022. Trong đó, tổng doanh thu dự kiến đạt 2.882,5 tỷ đồng, giảm 7,8% so với thực hiện năm 2021. Lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt hơn 17 tỷ đồng, giảm 70%. Tỷ lệ cổ tức cho năm 2022 theo kế hoạch là 11%.

DXG - CTCP Tập đoàn Đất Xanh - Ngày 15/2 đã thông qua kế hoạch phát hành chào bán trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị theo mệnh giá tối đa là 4.000 tỷ đồng.

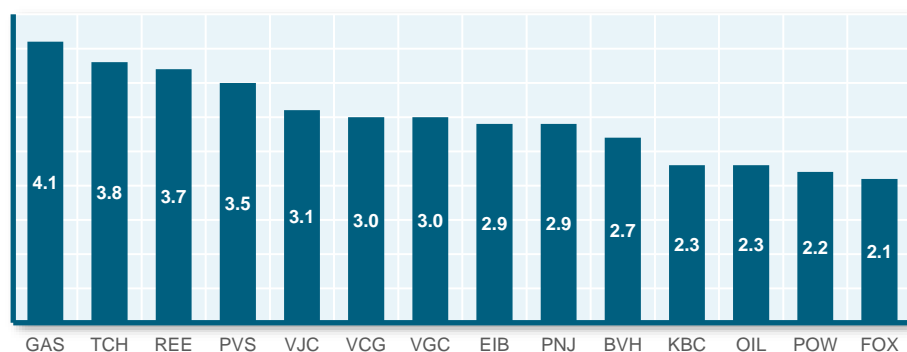
Cùng ngày, DXG đã thông qua việc góp thêm vốn 4.000 tỷ đồng vào CTCP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hà An. Sau khi góp vốn hoàn tất, DXG sở hữu phần vốn góp hơn 12.799 tỷ đồng tại Bất động sản Hà An, tương ứng tỷ lệ 99,99%.

NVL - CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va - Novaland – Đã thông qua việc đầu tư thêm phần vốn 500 tỷ đồng vào CTCP The Prince Residence. Sau khi hoàn tất việc đầu tư, NVL sở hữu hơn 149 triệu cổ phần tại The Prince Residence, tương ứng tỷ lệ hơn 99,92%.

KHP - CTCP Điện lực Khánh Hòa - Ngày 07/3 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 2,5%. Thanh toán bắt đầu từ ngày 25/3/2022.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	HOSE	36.3	10,943,800	13.9	1.9	-	25,000	161,371	17.01	2,621	19,187
VIB	HOSE	46.8	1,576,800	11.3	3.0	2,200	23,400	72,687	20.48	4,127	15,640
VCB	HOSE	87.5	1,431,200	14.8	2.9	952,600	524,100	414,095	23.65	5,907	29,974
VBB	UPCOM	17.8	14,919	16.8	1.5	-	-	8,503	-	1,058	12,017
VAB	UPCOM	15.6	913,781	10.6	1.1	1,200	20,000	8,423	0.01	1,477	14,341
TPB	HOSE	41.2	3,081,100	13.5	2.5	52,100	80,000	65,089	29.67	3,054	16,430
TCB	HOSE	52.2	7,301,000	10.2	2.0	-	-	183,270	22.47	5,138	26,505
STB	HOSE	33.9	15,739,300	18.7	1.9	1,669,100	753,000	63,909	18.88	1,810	18,174
SSB	HOSE	36.3	1,749,400	20.6	2.9	-	6,000	53,669	0.02	1,763	12,623
SHB	HOSE	22.5	4,697,000	12.0	1.7	100,900	4,800	60,005	3.34	1,868	13,375
SGB	UPCOM	18.2	131,370	-	1.5	-	-	5,606	0.02	398	12,042
PGB	UPCOM	33.3	64,051	37.9	2.4	-	-	9,990	15.00	878	13,940
OCB	HOSE	27.3	1,685,700	8.5	1.7	222,200	-	37,398	21.98	3,216	15,917
NVB	HNX	30.5	81,600	-	2.9	-	-	12,408	8.33	3	10,397
NAB	UPCOM	20.5	214,587	-	-	1,000	-	10,526	0.03	-	-
MSB	HOSE	27.0	3,776,200	10.2	1.9	-	-	41,243	30.00	2,641	14,427
MBB	HOSE	33.2	9,334,800	9.9	2.0	-	500	125,440	23.24	3,361	16,538
LPB	HOSE	24.3	9,099,200	10.2	1.7	400,900	26,100	30,098	4.97	2,387	13,960
KLB	UPCOM	27.1	47,896	12.9	2.1	-	-	9,796	0.01	2,109	12,810
HDB	HOSE	29.8	3,130,000	9.9	1.9	165,000	148,200	59,863	16.86	3,016	15,339
EIB	HOSE	36.1	563,100	46.2	2.5	-	13,200	44,383	29.70	781	14,395
CTG	HOSE	34.9	5,945,600	11.9	1.8	665,200	1,072,600	167,721	26.01	2,932	19,488
BVB	UPCOM	20.6	1,566,147	30.4	1.6	-	50,000	7,562	0.10	678	12,638
BID	HOSE	46.0	1,790,200	22.0	2.7	120,300	21,400	232,692	16.85	2,090	17,073
BAB	HNX	22.6	35,988	23.4	1.9	-	-	17,021	-	964	12,018
ACB	HOSE	34.3	3,913,100	9.7	2.1	-	-	92,677	30.00	3,554	16,618
ABB	UPCOM	17.4	1,329,928	7.8	1.0	-	-	12,128	19.19	2,238	16,828
			90,157,767	16.38	2.04	4,352,700	2,768,300	2,007,570		2,310	15,873



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SGD	HNX	4/3/2022	7/3/2022	21/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	TDB	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	17/03/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SMB	HOSE	18/02/2022	21/02/2022	2/3/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	EID	HNX	11/2/2022	14/02/2022	10/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	CMG	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
6	ABB	UPCoM	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Thưởng cổ phiếu
7	BHN	HOSE	10/2/2022	11/2/2022	9/3/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,380 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	APH	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Thưởng cổ phiếu
9	NTH	HNX	9/2/2022	10/2/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	DL1	HNX	9/2/2022	10/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	MRF	UPCoM	9/2/2022	10/2/2022	22/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	ITD	HOSE	8/2/2022	9/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
13	DPM	HOSE	27/01/2022	28/01/2022	16/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	TNH	HOSE	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	TRS	UPCoM	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	DNH	UPCoM	25/01/2022	26/01/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
19	HGC	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022	11/2/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	HCD	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:17	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	SAM	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:439	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	IDJ	HNX	21/01/2022	24/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
23	VCP	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000000:1136365	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	KST	HNX	21/01/2022	24/01/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1	Thưởng cổ phiếu
25	BLT	UPCoM	20/01/2022	21/01/2022	15/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 970 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	NHA	HOSE	20/01/2022	21/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
27	SHP	HOSE	20/01/2022	21/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	HAP	HOSE	20/01/2022	21/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931